

Biểu mẫu 01

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ
Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Trang bị đồ dùng, đồ chơi cho trẻ theo nhóm /lớp. - Đảm bảo chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ - Đảm bảo đầy đủ CSVC, trang thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.	- Trang bị đồ dùng, đồ chơi cho trẻ theo nhóm /lớp. - Đảm bảo chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ - Đảm bảo đầy đủ CSVC, trang thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non tại Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT năm 2021 ban hành ngày 13 tháng 04 năm 2021	Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non tại Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT năm 2021 ban hành ngày 13 tháng 04 năm 2021
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- 100% trẻ được theo dõi sức khỏe và tẩy giun 2 lần /năm - Trẻ được phát triển hài hòa về các mặt: nhận thức, thể chất, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ	- 100% trẻ được theo dõi sức khỏe và tẩy giun 2 lần /năm - Trẻ được phát triển hài hòa về các mặt: nhận thức, thể chất, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

		- Hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, hình thành và phát triển ở trẻ những chức năng tâm lý.	- Giáo dục kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng nhằm giúp trẻ có nền tảng tốt để chuẩn bị cho các lớp học tiếp theo.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Trang bị CSVC bán trú để đảm bảo công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ - Trang bị đồ dùng, đồ chơi các nhóm lớp, đảm bảo tốt cho hoạt động vui chơi và học tập của trẻ	- Trang bị CSVC bán trú để đảm bảo công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ - Trang bị đồ dùng, đồ chơi các nhóm lớp, đảm bảo tốt cho hoạt động vui chơi và học tập của trẻ.

Nhà Bè, ngày 05 tháng 9 năm 2022

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ


Nguyễn Ngọc Liên

Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ
Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

**Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
Năm học 2022-2023**

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	264	0	0	22	60	81	101
1	Số trẻ em nhóm ghép	0						
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày	0			10	40	41	50
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	264	0	0	22	60	81	101
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0						
II	Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở	264	0	0	22	60	81	101
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	264	0	0	22	60	81	101
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	264	0	0	22	60	81	101
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Kênh bình thường	224			20	52	70	82
2	Kênh dưới -2							
3	Kênh dưới -3							
4	Kênh trên +2							
5	Kênh trên +3							
6	Phân loại khác (SDD Thấp còi)	2				1	1	
7	Số trẻ em suy dinh dưỡng	4				1	1	2
8	Số trẻ em béo phì	36			2	7	10	17
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc							

	giáo dục							
1	Đối với nhà trẻ				22			
a	Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ 3-36 tháng				22			
b	Chương trình giáo dục mầm non - Chương trình giáo dục nhà trẻ							
2	Đối với mẫu giáo					60	81	101
a	Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo							
b	Chương trình 26 tuần							
c	Chương trình 36 buổi							
d	Chương trình giáo dục mầm non (Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT năm 2021 ban hành ngày 13 tháng 04 năm 2021)					60	81	101

Nhà Bè, ngày 05 tháng 9 năm 2022

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ


Nguyễn Ngọc Liên

Biểu mẫu 03

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022-2023

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	9	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	9	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		
III	Số điểm trường	2	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	632 m²	1,68 m²/trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	2	0.6 m²
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	55 m ²	1m2/ trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	0	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	5.2 m ²	0.11 m ² /trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	210,4	0,57 m ² /trẻ
5	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m ²)	102,6	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	1 bộ	Số bộ/nhóm (lớp)
VII I	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	14 máy tính, 01 máy chiếu, 02 BTT, 02 máy laptop	
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Tivi	1	

2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	1	
3	Máy photo	1	
5	Catsset	1	
6	Đầu Video/đầu đĩa	0	
7	Thiết bị khác		
8	Đồ chơi ngoài trời	5	
9	Bàn ghế đúng quy cách	572	Bàn: 152, Ghế: 420
10	Thiết bị khác...		
..			

X	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	9	9	x	0.11	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		
XIII	Kết nối internet (ADSL)	Có	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	Có	
XV	Tường rào xây	Có	
..	...		

Nhà Bè, ngày 05 tháng 9 năm 2022

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ


Nguyễn Ngọc Liên

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
TRƯỜNG MẦM NON SƠN CA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Biểu mẫu 04

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý
và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2022 - 2023**

ST T	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						G hi ch ú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	Th S	ĐH	C Đ	TC CN	Dưới TCC N	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	30	25	05			20	03	02	05	
I	Giáo viên	20					16	02	02		
II	Cán bộ quản lý	03					03				
1	Hiệu trưởng	01					01				
2	Phó hiệu trưởng	02					02				
III	Nhân viên	07					01	01		05	

1	Nhân viên văn thư	0							0		
2	Nhân viên kế toán	01		01			01				
3	Thủ quỹ (Kiêm văn thư)	0									
4	Nhân viên y tế	01		01				01			
5	Nhân viên thư viện	0							0		
6	Nhân viên khác	05		05						05	
..	..										

Nhà Bè, ngày 05 thán 9 năm 2022

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Ngọc Liên